

Số: /BC-STP

An Giang, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh An Giang

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 4106/SYT-BTXHTEPCTNXH ngày 15/6/2026 của Sở Y tế về việc lấy ý kiến thẩm định các dự thảo Tờ trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh An Giang. Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

I. TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP VÀ TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

Ngày 29/5/2025, Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang ban hành Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh An Giang.

Ngày 08/01/2025, Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ bảo hiểm y tế cho người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại khu vực biên giới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Ngày 13/12/2021, Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND về việc hỗ trợ kinh phí đóng bảo hiểm y tế đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đang được nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Ngày 13/12/2021, Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế từ ngân sách địa phương đối với người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Ngày 08/12/2020, Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang ban hành Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ 30% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình nghèo đa chiều và người thuộc hộ gia đình cận nghèo trên địa bàn tỉnh An Giang.

Ngày 29/12/2022, Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND quy định việc hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho ấp (khu) đội trưởng, người hoạt động không chuyên trách ở ấp,

khu phố và người trực tiếp tham gia công việc ở ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Ngày 02/01/2020, Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Nghị quyết số 287/2020/NQ-HĐND hỗ trợ kinh phí đóng bảo hiểm y tế cho người nhiễm HIV chưa có thẻ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Ngày 01/7/2025, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 06/NQ-HĐND về việc áp dụng nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang, tỉnh Kiên Giang ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thuộc lĩnh vực Y tế. Theo đó, Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND tiếp tục được áp dụng trên phạm vi đơn vị hành chính tỉnh An Giang mới đến khi có văn bản thay thế hoặc bãi bỏ.

Ngày 01/7/2025, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 09/NQ-HĐND áp dụng nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang, tỉnh Kiên Giang ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. Theo đó, Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND tiếp tục được áp dụng trên phạm vi đơn vị hành chính tỉnh An Giang mới đến khi có văn bản thay thế hoặc bãi bỏ; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND và Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND tiếp tục được áp dụng trên phạm vi đơn vị hành chính tỉnh Kiên Giang (trước sắp xếp) đến khi có văn bản thay thế hoặc bãi bỏ.

Tại khoản 1 Điều 54 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định:

“Điều 54. Quy định chuyển tiếp

1. Chậm nhất là ngày 01 tháng 3 năm 2027, các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quy định khác có liên quan của chính quyền địa phương các cấp phải được sửa đổi, bổ sung để bảo đảm phù hợp với tổ chức đơn vị hành chính, các nguyên tắc và các nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp quy định tại Luật này.

...”.

Tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, quy định:

“Điều 11. rà soát, xử lý văn bản

2. Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027.”

Ngày 01/7/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 188/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế. Tại điểm b, c, d, đ, e khoản 6 Điều 6 Nghị định số 188/2025/NĐ-CP quy định:

“Điều 6. Mức đóng, mức hỗ trợ đóng và trách nhiệm đóng bảo hiểm y tế

6. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước được quy định như sau:

b) Hỗ trợ tối thiểu 70% mức đóng bảo hiểm y tế đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 12 của Luật Bảo hiểm y tế;

c) Hỗ trợ tối thiểu 70% mức đóng bảo hiểm y tế đối với đối tượng quy định tại điểm g khoản 4 Điều 12 của Luật Bảo hiểm y tế. Thời gian hỗ trợ là 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ thời điểm xã nơi đối tượng đang sinh sống không còn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn;

d) Hỗ trợ tối thiểu 50% mức đóng bảo hiểm y tế đối với đối tượng quy định tại điểm i khoản 4 Điều 12 của Luật Bảo hiểm y tế. Thời gian hỗ trợ là 01 năm kể từ khi đối tượng được cơ quan có thẩm quyền xác nhận là nạn nhân theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người;

đ) Hỗ trợ tối thiểu 50% mức đóng bảo hiểm y tế đối với đối tượng quy định tại các điểm b, c, đ, e và h khoản 4 Điều 12 của Luật Bảo hiểm y tế;

e) Hỗ trợ tối thiểu 30% mức đóng bảo hiểm y tế đối với đối tượng quy định tại điểm d khoản 4 Điều 12 của Luật Bảo hiểm y tế và khoản 4 Điều 5 Nghị định này.”.

Tại khoản 4 Điều 12 Luật Bảo hiểm y tế được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế quy định:

“Điều 12. Đối tượng tham gia bảo hiểm y tế

4. Nhóm được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng bao gồm:

a) Người thuộc hộ gia đình cận nghèo;

b) Học sinh, sinh viên;

c) Người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

d) Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo quy định của pháp luật;

đ) Nhân viên y tế thôn, bản; cô đỡ thôn, bản;

e) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật;

g) Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại các xã được xác định không còn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn thì được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo quy định của Chính phủ;

h) Người được tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú theo quy định của Luật Di sản văn hóa;

i) Nạn nhân theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người.”.

Tại điểm e khoản 10 Điều 71 Nghị định số 188/2025/NĐ-CP quy định:

“Điều 71. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

10. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

e) Căn cứ khả năng ngân sách của địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng cao hơn mức hỗ trợ tối thiểu quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 6 Điều 6 Nghị định này; mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng không được hưởng mức hỗ trợ quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 6 Điều 6 Nghị định này; đối tượng được hỗ trợ và mức hỗ trợ cùng chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế cho người tham gia bảo hiểm y tế khi đi khám bệnh, chữa bệnh.”.

Tại điểm l khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước quy định:

“Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp

9. Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này còn có nhiệm vụ, quyền hạn:

l) Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương;”.

Tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước quy định:

“Điều 9. Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về quyết định chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách địa phương

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể hoặc giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách địa phương theo quy định tại điểm h khoản 9 Điều 31 của Luật Ngân sách nhà nước; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn theo quy định tại điểm l khoản 9 Điều 31 của Luật Ngân sách nhà nước.”.

Tại điểm b khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

b) Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;”.

Căn cứ các quy định trên, việc cơ quan soạn thảo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh An Giang là phù hợp và đúng thẩm quyền.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA DỰ THẢO

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương để đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Học sinh, sinh viên;
- b) Học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số;
- c) Trẻ em từ đủ 06 tuổi đến dưới 16 tuổi có hoàn cảnh khó khăn đang được nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập;
- d) Người thuộc hộ gia đình cận nghèo;
- đ) Người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu phố, khóm theo quy định của pháp luật;
- e) Ấp, khu, khóm đội trưởng; Người tham gia hoạt động ở ấp, khu phố, khóm trên địa bàn tỉnh;
- g) Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại các xã được xác định không còn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn;
- h) Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại khu vực biên giới trên địa bàn tỉnh An Giang;
- i) Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo quy định của pháp luật;
- k) Người cao tuổi từ đủ 60 đến dưới 75 tuổi đang sinh sống trên địa bàn tỉnh An Giang;
- l) Người nhiễm HIV được cơ quan có thẩm quyền xác nhận bị nhiễm HIV hoặc có tên trong danh sách quản lý người nhiễm HIV của cơ quan phòng, chống HIV/AIDS của tỉnh, thường trú hoặc tạm trú dài hạn từ 06 tháng trở lên trên địa bàn tỉnh An Giang;
- m) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh An Giang.

III. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Tại Điều 2, đề nghị cơ quan soạn thảo bố cục cho phù hợp như sau:

“1. Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho đối tượng quy định tại điểm c, điểm h và điểm l khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

2. Hỗ trợ 70% mức đóng bảo hiểm y tế cho đối tượng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

3. Hỗ trợ 50% mức đóng bảo hiểm y tế cho đối tượng quy định tại điểm b, điểm đ khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

4. Hỗ trợ 30% mức đóng bảo hiểm y tế cho đối tượng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

5. Hỗ trợ 30% mức đóng bảo hiểm y tế cho đối tượng quy định tại điểm g khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này. Thời gian hỗ trợ 36 tháng, kể từ thời điểm xã nơi đối tượng đang sinh sống không còn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

6. Hỗ trợ 10% mức đóng bảo hiểm y tế cho đối tượng quy định tại điểm a, điểm i và điểm k khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

7. Một người thuộc nhiều đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.”.

2. Tại khoản 3 Điều 5, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh dấu chấm phẩy (;) ở cuối đoạn thành dấu chấm (.) cho phù hợp.

3. Tại đoạn cuối dự thảo Nghị quyết, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cụm từ “Kỳ họp” thành “Kỳ họp thứ” cho đúng theo Mẫu số 17 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

4. Đề nghị cơ quan soạn thảo đánh số trang văn bản đặt canh giữa theo chiều ngang trong phần lẻ trên của văn bản, không hiển thị số trang thứ nhất.

IV. DỰ THẢO TỜ TRÌNH

1. Đề nghị cơ quan soạn thảo không trình bày dấu gạch ngang phía dưới trích yếu nội dung dự thảo Tờ trình cho đúng theo Mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

2. Trên cơ sở ý kiến của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh Mục IV dự thảo Tờ trình thống nhất với dự thảo Nghị quyết.

3. Đề nghị cơ quan soạn thảo đánh số trang văn bản đặt canh giữa theo chiều ngang trong phần lẻ trên của văn bản, không hiển thị số trang thứ nhất.

4. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát toàn văn bản khi viện dẫn lần đầu văn bản có liên quan, phải ghi đầy đủ tên loại, số, ký hiệu của văn bản, thời gian

ban hành văn bản, tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản và trích yếu nội dung văn bản (đối với Luật và Pháp lệnh chỉ ghi tên loại và tên của Luật, Pháp lệnh); trong các lần viện dẫn tiếp theo, chỉ ghi tên loại và số, ký hiệu của văn bản đó.

V. BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH

1. Tại trích yếu nội dung Bản so sánh, thuyết minh, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cụm từ **“BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỚI QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh An Giang)”** thành cụm từ **“BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ ĐÓNG BẢO HIỂM Y TẾ CHO MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG VỚI QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH”** cho đúng theo Mẫu số 12 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

2. Trên cơ sở ý kiến của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cột thứ 2 Bản so sánh, thuyết minh thống nhất với dự thảo Nghị quyết.

3. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát toàn văn bản khi viện dẫn lần đầu văn bản có liên quan, phải ghi đầy đủ tên loại, số, ký hiệu của văn bản, thời gian ban hành văn bản, tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản và trích yếu nội dung văn bản (đối với Luật và Pháp lệnh chỉ ghi tên loại và tên của Luật, Pháp lệnh); trong các lần viện dẫn tiếp theo, chỉ ghi tên loại và số, ký hiệu của văn bản đó.

4. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát đánh số trang văn bản cho đầy đủ.

VI. BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN

1. Tại trích yếu nội dung Bản tổng hợp ý kiến, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh điều chỉnh thành **“BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ ĐÓNG BẢO HIỂM Y TẾ CHO MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG”**; không trình bày dấu gạch ngang phía dưới trích yếu nội dung Bản tổng hợp ý kiến cho đúng theo Mẫu số 10 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

2. Tại đoạn đầu Bản tổng hợp ý kiến, đề nghị cơ quan soạn thảo không nêu cụm từ *“ngày 19 tháng 02 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung ngày 25 tháng 6 năm 2025 và tình hình thực tiễn”* cho đúng theo Mẫu số 10 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Đồng thời, đề nghị điều chỉnh cụm từ *“Nghị quyết mức hỗ trợ”* thành *“Nghị quyết quy định mức hỗ trợ”* cho thống nhất tên gọi dự thảo Nghị quyết.

3. Tại đoạn thứ 2 Bản tổng hợp ý kiến, đề nghị cơ quan soạn thảo không trình bày cụm từ *“Tính đến 14 giờ ngày 15 tháng 6 năm 2026, Sở Y tế nhận được các văn bản góp ý như sau:”*; điều chỉnh các dấu gạch đầu dòng thành các

khoản “1., 2.” cho đúng theo Mẫu số 10 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

4. Tại tên cột thứ nhất, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cụm từ “**NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN**” thành “**NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN**” cho đúng theo Mẫu số 10 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

VII. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC SOẠN THẢO VĂN BẢN

1. Đăng ký xây dựng Nghị quyết đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang chấp thuận tại Thông báo số 78/TB-TT ngày 05/6/2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Cơ quan soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh An Giang; tổng hợp kết quả, giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý trước khi gửi Sở Tư pháp thẩm định.

VIII. KẾT LUẬN

Dự thảo Nghị quyết đảm bảo điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, quyết định trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trong trường hợp rà soát, điều chỉnh các ý kiến tại Mục III, Mục IV, Mục V, Mục VI của Báo cáo này.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Văn Phòng UBND tỉnh;
- Sở Y tế;
- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở;
- Công TTĐT Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDTHPL, dtcnhung.

GIÁM ĐỐC

Trịnh Tuấn Ngọc